

LÃI SUẤT NGÂN HÀNG CÒN ĐÓ NỘI BÀN KHOẢN

LÊ NAM HẢI

Thông thường, người ta thấy lãi suất tín dụng là cái giá mà người đi vay phải trả cho người cho vay do sử dụng một khoản vốn tín dụng nhất định trong một thời gian nhất định.

Nhưng lãi suất không phải là một loại giá cả thông thường, mà là một loại giá cả đặc biệt, thậm chí là loại giá cả "phi lý".

Đặc biệt là ở chỗ tuy là giá cả của các khoản tín dụng, nhưng bởi vì hàng hóa ở đây không phải là hàng hóa thông thường, mà là các khoản tiền vay - một loại hàng hóa đặc biệt nên lãi suất không phải là loại giá cả thông thường, mà là một loại giá cả đặc biệt.

Tính chất đặc biệt của lãi suất thể hiện trên nhiều góc độ khác nhau, nhưng khía cạnh đáng quan tâm chính là ở chỗ trong quan hệ tín dụng có yếu tố thời gian xen lẫn vào, lãi suất và khoản tín dụng chỉ được thu về sau một thời gian nhất định, vì thế nó có thể có rủi ro, bất trắc xảy ra cho cả hai bên cho vay và đi vay. Đặc điểm này ảnh hưởng rất lớn đến cách sách lãi suất ở hai khía cạnh sau. Thứ nhất, tùy thuộc vào mức độ rủi ro mà định lãi suất, khả năng rủi ro càng lớn thì lãi suất phải càng cao. Cụ thể lãi suất tín dụng dài hạn phải cao hơn lãi suất tín dụng trung hạn và ngắn hạn. Thứ hai, do có khoảng cách thời gian giữa thời điểm phát tiền và thu tiền nên giá trị thực của khoản tín dụng sẽ bị biến đổi, nhất là trong điều kiện lạm phát, cho nên lãi suất trong những thời kỳ này phải làm sao bù đắp được những hao hụt về mặt giá trị của vốn tín dụng phát ra.

Phi lý vì những lẽ, thứ nhất: lãi suất không biểu hiện bằng tiền toàn bộ giá trị của hàng hóa mà nó chỉ là một tỷ lệ nhất định trên giá trị hàng hóa. Thứ hai: thông thường lãi suất được



thu về cùng với khoản tín dụng sau một thời gian nhất định, chứ không phải chuyển quyền sở hữu sau mỗi lần trao đổi như mua bán hàng hóa thông thường.

Nhưng dù có "đặc biệt" hay "phi lý" thế nào chăng nữa, lãi suất vẫn là một loại giá cả, mà đã là "giá cả" thì cũng biến động theo quan hệ cung cầu vốn tín dụng trên thị trường. Nếu chịu sự biến động theo cung cầu thị trường, thì một loại lãi suất đồng cứng lâu là không thể chấp nhận được. Vì thế lãi suất phải thường xuyên biến đổi linh hoạt, phù hợp với quan hệ cung cầu về vốn trên thị trường và tỷ lệ trượt giá.

Việc qui định lãi suất có tính bất buộc đã làm cho lãi suất bị xơ cứng, mất đi tính mềm dẻo, linh hoạt cần thiết và cũng vì thế mà các ngân hàng thương mại dễ bị động, thiếu tính sáng tạo; thiếu nhạy bén và kịp thời. Cơ cấu lãi suất tín dụng trong cơ chế này có quá nhiều nghịch lý, làm méo mó, xuyên tạc quan hệ cung cầu vốn tín dụng, làm



phát sinh nhiều tiêu cực giữa người cho vay và người đi vay.

Khó khăn của việc quản lý lãi suất theo cơ chế tập trung, là ở chỗ, dù với những ý định tốt đẹp nhất, những người có thẩm quyền rất khó có khả năng điều chỉnh được mức và cơ cấu lãi suất để thể hiện được cân đối tất cả các yếu tố liên quan luôn luôn thay đổi. Nói một cách đơn giản, họ không đủ thông tin cần thiết để có thể ra được quyết định về mức lãi suất phù hợp với điều kiện thị trường từng nơi, từng lúc. Do đó, để có được một chính sách lãi suất có hiệu quả, từ đó phân bổ vốn tín dụng sát hợp với nhu cầu vốn của địa phương và các doanh nghiệp, cần phải phân cấp quản lý lãi suất, cho phép các ngân hàng thương mại ấn định các lãi suất của mình, tạo điều kiện cho họ tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình và tạo động lực cạnh tranh để phát triển.

Với cơ chế lãi suất tập trung, các ngân hàng thương mại thường thụ động tiến hành thu hút tiền gửi rồi cho vay ra, ít quan tâm phân tích các bộ phận cấu thành của lãi suất, giống như nhà kinh doanh chỉ biết mua hàng đầu vào rồi bán hàng sản xuất ra, mà không biết được giá hàng của mình hình thành như thế nào. Trong hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, việc phân tích các chỉ số kinh tế có tầm quan trọng đặc biệt. Thế nhưng cho đến nay trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng, vấn đề này chưa được coi trọng. Nói chung, các ngân hàng thương mại, chưa thật "tham thiết" và "nhạy cảm" (thậm chí còn thờ ơ) với sự quy định các mức lãi suất quá cụ thể của NHTƯ (may ra chỉ có người dân với số tiền gửi tiết kiệm nhỏ nhoi mới quan tâm mà thôi). NHTM không mấy quan tâm đến sự biến động về "giá" tín dụng và lãi suất trên thị trường. Kể cả những chi phí cho hoạt động nghiệp vụ

ngân hàng và các khoản thu nhập về nghiệp vụ cũng chưa lôi cuốn sự quan tâm và nhạy bén của các ngân hàng. Cứ "tà tà" vẫn có "thu nhập"!

Từ trước tới nay, có thời kỳ người ta nói lãi suất âm, có thời kỳ lại nói lãi suất dương. Điều đó có nghĩa là phải thường xuyên phân tích cơ cấu của lãi suất.

Vì nó là giá cả tiền vay, lãi suất thường được so với tỷ lệ trượt giá để xác định là lãi suất dương hay lãi suất âm. Một yếu tố để có thể đánh giá tính thích hợp của một mức lãi suất nhất định là phải xét xem liệu những lãi suất này về giá trị thực có dương hay không. Lãi suất chỉ thực sự hợp lý khi nó dương. Nhưng để có một cơ chế lãi suất dương và hợp lý là cả một vấn đề kinh tế hết sức phức tạp, khó có thể trở thành hiện thực trong điều kiện lạm phát cao.

Ở nước ta, đến tháng 9.92, cơ chế lãi suất dương mới bắt đầu được áp dụng. Tuy nhiên, nhìn vào sự biến động của lãi suất từ 11.7.91 đến 1.10.93, chúng ta thấy nó vẫn luôn luôn là một điểm nóng đáng phải quan tâm. Để minh họa, xin lập ra bảng sau đây theo các thời điểm thay đổi lãi suất.

1. Lãi suất có xu hướng giảm xuống, nhưng mức độ giảm của từng loại khác nhau, thể hiện rõ nhất đối với lãi suất tiền gửi, trong đó lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của các tổ chức kinh tế có tốc độ giảm nhanh nhất.

2. Lãi suất không phản ánh mức độ rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động tín dụng. Như đã rõ, rủi ro là một biến số, mỗi hợp đồng tín dụng khác nhau sẽ có mức độ rủi ro khác nhau. Việc qui định lãi suất cho vay làm cho lãi suất không phản ánh được mức độ rủi ro có thể xảy ra đối với mỗi hợp đồng tín dụng.

3. Lãi suất cho vay 2.1% tháng, bình quân năm gần 30% là mức lãi suất khá cao so với nhiều nước trên thế giới. Với mức lãi suất như vậy nền kinh tế đất nước khó có thể chịu đựng nổi; chứ chưa nói đến tác dụng khuyến khích đầu tư, giá thành hàng sản xuất trong nước do chịu ảnh hưởng của mức lãi suất này sẽ rất cao, khó lòng cạnh tranh với hàng ngoại cùng loại.

4. Nhìn tổng quát, lãi suất ngân hàng đang áp dụng là lãi suất dương, nhưng khác biệt nhau ở hai giai đoạn sau đây:

a. Từ 6.92 - 10.93: với số chênh

Đơn vị tính: %

Loại lãi suất	Từ 11.7.91	Từ 1.6.92	Từ 1.8.92	Từ 22.10.92	Từ 20.4.93	Từ 1.10.93
I. Lãi suất tiền gửi tiết kiệm						
- Không kỳ hạn	2.1	1.8	1.2	1.0	0.8	0.7
- Kỳ hạn 3 tháng	3.5	3.0	2.3	2.0	1.7	1.4
II. Lãi suất tiền gửi tổ chức kinh tế						
- Không kỳ hạn	0.9	1.0	0.5	0.3	0.1	0.1
- Kỳ hạn 3 tháng	1.8	2.1	1.8	1.5	1.0	0.8
III. Lãi suất cho vay vốn lưu động	3.7	4.2	3.5	2.7	2.3	2.1

Từ bảng lãi suất trên, để thấy rõ mức độ thực dương của lãi suất, thử làm một phép tính để so sánh mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay với lãi suất tiền gửi bình quân và tỷ lệ trượt giá bình quân qua từng thời kỳ. Phép tính có thể diễn đạt bằng công thức sau:

Chênh lệch = lãi suất cho vay - (lãi suất tiền gửi bình quân + tỷ lệ trượt giá bình quân)

Từ 1.6.92 - 1.8.92	:	4.2% - (1.97% + 0.2%)	= 2.03%
Từ 1.8.92 - 22.10.92	:	3.5% - (1.45% + 0.03%)	= 2.02%
Từ 1.11.92 - 1.5.93	:	2.7% - (1.2% + 1.05%)	= 0.45%
Từ 01.5.93 - 1.8.93	:	2.3% - (0.93% + 0.3%)	= 1.1%
Từ 01.1.94 - 1.7.94	:	2.1% - (0.75% + 1.25%)	= 0.1%

Từ 2 bảng trên, có thể rút ra một số nhận xét:

b. Từ 1.94 - 7.94: do tỷ lệ trượt giá cao, nên sau khi loại trừ giá đầu vào và



tỷ lệ trượt giá, số chênh lệch chỉ còn lại 0.1%. Như vậy làm sao cho các NHTM có thể bù đắp được chi phí và có lãi? Phải chăng lại xuất hiện hiện tượng ăn thâm vào vốn?

Nếu các vấn đề nêu ra trên đây là đúng, thì giải pháp sẽ là thay đổi hoàn toàn cơ chế hình thành lãi suất ngân hàng ở nước ta.

Lãi suất ảnh hưởng đến cung cầu các nguồn vốn có thể đầu tư và các quyết định về đầu tư hay tiêu dùng của các đơn vị kinh tế.

Lãi suất là công cụ đẩy uy lực mà các nhà chức trách có thể lựa chọn để tác động đến các điều kiện kinh doanh và hoạt động kinh tế, đến tỷ giá, đến sự vận động của vốn cũng như sự biến đổi của tình trạng lạm phát.

Chính vì thế lãi suất vẫn là vấn đề cần được quan tâm thường xuyên trong việc điều hành mọi nền kinh tế trong mọi giai đoạn phát triển.

Có một tồn tại về tâm lý khi cần thay cơ chế cũ bằng cơ chế mới, đầu thừa biết cơ chế cũ gây ra bao tiêu cực, cản trở bước tiến lên, mà cho dù lý trí thì vẫn rất thông minh rằng cơ chế mới là hợp lệ là động lực phát triển. Thế mới hay, sức ỳ của thói quen! Quả là cần có một cuộc chiến thật sự với những thói quen cũ (dù có thói quen mang màu sắc truyền thống "phù hợp với đặc điểm trình độ của nước ta") để sớm xóa đi một tệ nạn, để cái đúng vụt trở thành cái áp đảo.

Đường đến với cái đúng nhiều khi có lắm chông gai. Chông gai trong lòng ta. Chông gai từ một môi trường xã hội và chông gai từ ngay một guồng máy chưa triệt để thực hiện phần việc của mình. Và rồi đầu lại hoàn đầu. Có phải cũng vì thế mà biết bao chuyện vốn bị bỏ trong lãi suất tín dụng vốn hiện diện sờ sờ ra đấy, bị lên án hết năm này qua năm khác mà nó vẫn tồn tại như một thách thức?

Mong sao lãi suất ngân hàng sớm thành bộ phận để nền kinh tế VN cất cánh! ♣